TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 10/9/2026
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Bảo Thùy và bà Lê Thị Hồng Thanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Bùi Minh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 09 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 455/2025/TLST-HNGĐ ngày 09/6/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 311/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/8/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 202/2026/QĐST-HNGĐ ngày 03/9/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Ngọc Y, sinh năm 1981. Nơi cư trú: số E, ấp L, xã G, Thành phố Đ.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn B, sinh năm 1966. Nơi cư trú: số E, ấp L, xã G, Thành phố Đ.

(Bà Trần Thị Ngọc Y có đơn xin vắng mặt, ông Phạm Văn B vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản công khai tài liệu, chứng cứ, nguyên đơn là bà Trần Thị Ngọc Y trình bày:*

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc Y và ông Phạm Văn B tự nguyện yêu thương và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 99 ngày 05/4/1999 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Qúa trình chung sống vợ chồng thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó vợ chồng thay đổi tính cách xảy ra nhiều mâu thuẫn bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng đã ly thân hơn 10 năm. Nay nhận thấy không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên bà Trần Thị Ngọc Y yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Văn B.

+ Về con chung: Bà Trần Thị Ngọc Y trình bày, qúa trình chung sống có 03 con chung là Phạm Thị Lan T, sinh ngày 14/3/2000; Phạm Thị Lan T1, sinh ngày

23/02/2003 và Phạm Thị Lan A, sinh ngày 05/11/2008. Khi ly hôn, bà Y yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lan A và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Hiện hai con chung là Lan T và Lan T1 đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Bà Trần Thị Ngọc Y trình bày, ông bà không có nợ chung.

** Bị đơn ông Phạm Văn B vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không trình bày, tranh luận.*

** Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

- *Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án và tại phiên tòa hôm nay đảm bảo khách quan, vô tư, đúng quy định của pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* (1) Về quan hệ hôn nhân: đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Trần Thị Ngọc Y được ly hôn với ông Phạm Văn B (2)Về con chung: Giao con là Phạm Thị Lan A, sinh ngày 05/11/2008 cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông B không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do bà Y chưa có yêu cầu, đối với hai con chung là cháu Lan T và Lan T1 đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; (3) Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: không có nên đề nghị không xem xét, giải quyết; (4) Về án phí: đề nghị buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền: bà Trần Thị Ngọc Y khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn B và yêu cầu trực tiếp nuôi con. Vì vậy, quan hệ pháp luật có tranh chấp cần giải quyết trong vụ án được xác định là: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; ông Phạm Văn B có nơi thường trú tại địa chỉ số E, ấp L, xã G, Thành phố Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệp tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc Y và ông Phạm Văn B tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 99 ngày 05/4/1999 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà Y, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng đã ly thân hơn 10 năm. Nay bà Y xác định không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu ly hôn. Ông B vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Y.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Y và ông B đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã ly thân trong thời gian dài nhưng không có biện pháp hàn gắn, đoàn tụ. Bà Y xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết yêu cầu ly hôn. Ông B mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến làm việc, không thể hiện ý chí hàn gắn quan hệ hôn nhân. Do đó, có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa bà Y và ông B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho bà Trần Thị Ngọc Y ly hôn với ông Phạm Văn B.

[4] Về con chung: Theo bà Y trình bày, vợ chồng có 03 con chung là Phạm Thị Lan T, sinh ngày 14/3/2000; Phạm Thị Lan T1, sinh ngày 23/02/2003 và Phạm Thị Lan A, sinh ngày 05/11/2008. Khi ly hôn, bà Y yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lan A và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Lan T và Lan T1 đã thành niên, có khả năng lao động nên bà Y không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông B vắng mặt, không có ý kiến về việc nuôi con chung. Tại bản tự khai, cháu Lan A thể hiện nguyện vọng khi cha mẹ ly hôn được tiếp tục sống cùng mẹ.

Xét thấy, cháu Phạm Thị Lan A hiện chưa thành niên, đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng mẹ. Bà Y có yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu; ông B vắng mặt, không có ý kiến và không cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện có yêu cầu hoặc điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng cháu. Do đó, xét nguyện vọng của cháu Lan A cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có căn cứ giao cháu Phạm Thị Lan A cho bà Trần Thị Ngọc Y trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với cháu Phạm Thị Lan T và Phạm Thị Lan T1 đã thành niên, có khả năng lao động, bà Y không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản, nợ chung: Bà Trần Thị Ngọc Y không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên không xem xét. Về nợ chung, bà Y trình bày không có, nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Trần Thị Ngọc Y là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó bà Trần Thị Ngọc Y phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[7] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 19, 51, 56, 70, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình theo Văn bản hợp nhất số 121/VBHN-VPQH ngày 27/8/2025 của Văn phòng Q;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

+/ Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Trần Thị Ngọc Y về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" với bị đơn ông Phạm Văn B

1. Về quan hệ hôn nhân*:* Bà Trần Thị Ngọc Y được ly hôn với ông Phạm Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Lan A, sinh ngày 05/11/2008 cho bà Trần Thị Ngọc Y được trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

Đối với cháu Phạm Thị Lan T và Phạm Thị Lan T1 đã thành niên, có khả năng lao động, bà Y không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về cấp dưỡng: Tạm thời ông Phạm Văn B không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do bà Y không yêu cầu

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật bảo vệ. Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

4. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Ngọc Y phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí về ly hôn, khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0011952 ngày 21/5/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đ. Bà Y đã nộp đủ án phí

6. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 4 - Đồng Nai;
- Phòng THA Khu vực 4 - Đồng Nai;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Gia Kiệm, thành phố Đồng Nai (GCNKH số: 14 ngày 05/4/1999 (UBND xã Quang Trung, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Mạnh Cường

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Tường Vy

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 4 - Đồng Nai;
- Phòng THA Khu vực 4 - Đồng Nai;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Gia Kiệm(GCNKH số: 119/2016 ngày 06-9-2016 (xã Quang Trung cũ), để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Tường Vy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Tường Vy

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 4 - Đồng Nai;
- Phòng THA Khu vực 4 - Đồng Nai;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND phường Long Khánh(GCNKH số: 71/2017 ngày 12-10-2017 (phường Xuân Trung cũ), để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Tường Vy